

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH
Hành động triển khai mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 17/QĐ-UBQGCS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023; Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 10/01/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024-2025; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2023;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch hành động triển khai mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023 tại thành phố Hải Phòng nhằm xây dựng và phát triển đồng thời ba trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số ở tất cả các cấp chính quyền; nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người lao động các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân để thúc đẩy phát triển toàn diện Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại thành phố và các địa phương.

2. Yêu cầu

Mô hình chuyển đổi số điển hình phải gắn liền với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố; gắn với vai trò, chức trách và nhiệm vụ của từng ngành lĩnh vực trong thực hiện Chuyển đổi số; đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương, đơn vị. Triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự vào cuộc của các cấp, các ngành; xác định cụ thể chỉ tiêu, nhiệm vụ, thời hạn và tiến độ hoàn thành của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo và triển khai thực hiện

mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023 của thành phố. Thường xuyên theo dõi, giám sát, thực hiện nghiêm túc việc báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

Cùng với Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 13/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2023, Kế hoạch này phân đấu hoàn thành các các chỉ tiêu được Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDs ngày 04/4/2023.

II. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ - KINH TẾ SỐ - XÃ HỘI SỐ THÀNH PHỐ

Ủy ban nhân dân thành phố xác định và bổ sung một số chỉ tiêu quan trọng để tập trung chỉ đạo thực hiện cụ thể như sau:

1. Phát triển Dữ liệu số

a) Xây dựng ban hành Chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó: 100% các sở, ban, ngành có danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành, danh mục dữ liệu mở và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; hướng dẫn các địa phương khai thác dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực phụ trách, hướng tới mục tiêu cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

c) Phân đấu 100% các ngành cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/NDXP).

d) Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của thành phố, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

đ) Triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

e) 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng.

2. Chính quyền số

a) Xây dựng Nền tảng phát triển chính quyền số phù hợp với Kiến trúc tổng thể Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số; hình thành một Hệ thống thông tin CQS thống nhất, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu xây dựng đô thị thông minh, bảo đảm xây dựng và khai thác hiệu quả các nền tảng ứng dụng và cơ sở dữ liệu từ thành phố đến các quận/huyện, phường/xã; kiến tạo mô hình thành phố chuyển đổi số điển hình.

b) 100% sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động nâng cao chất

lượng hiệu quả và thực chất việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

c) Hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử.

d) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 40% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia.

đ) 30% thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia.

e) 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền thành phố.

f) 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa.

g) Trên 10% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

h) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

3. Kinh tế số

a) Phần đầu kinh tế số đóng góp 17% trong GRDP của thành phố.

b) Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực tăng trung bình hàng năm 10%.

c) Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 9%.

d) 100% các sở, ngành, địa phương ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý; triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.

đ) Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số; trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng, khai thác các nền tảng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Xã hội số

a) Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên 85%.

b) Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng trên 90%.

c) Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 50%.

d) Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 30%.

đ) Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 75%.

- e) Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.
- g) Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%.
- h) Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.

5. An toàn, an ninh mạng

- a) Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước thành phố hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 80%. Trong đó tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên 30%.
- b) Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 20%.
- c) Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 15%.

III. CÁC CHỈ TIÊU XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHUYÊN ĐỔI SỐ ĐIỆN HÌNH TẠI CÁC QUẬN/HUYỆN, PHƯỜNG/ XÃ *(Chi tiết tại Phụ lục số I)*

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH *(Chi tiết tại Phụ lục số II)*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trong Quý II/2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi số tại đơn vị mình; trường hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành kế hoạch năm 2023, thì trong Quý II/2023 hoàn thành việc rà soát, cập nhật cho phù hợp với Kế hoạch thực hiện mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023 của thành phố.

Các sở, ban, ngành chỉ đạo triển khai, hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục IV của Kế hoạch thuộc phạm vi trách nhiệm ngành, lĩnh vực quản lý và chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện, trên nguyên tắc triển khai và thống nhất sử dụng các nền tảng số từ Trung ương tới địa phương trong từng ngành, lĩnh vực là giải pháp quan trọng vừa thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số vừa phát triển dữ liệu số.

Ủy ban nhân dân các quận/huyện chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu tại Mục III của Kế hoạch.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Điều phối, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ về chủ đề năm 2023 của thành phố; trong đó tập trung thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số; chủ trì tổ chức triển khai kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 và kế hoạch thực hiện mô hình chuyển đổi số điển hình; tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện dự án xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

b) Chỉ đạo, các địa phương phối hợp thực hiện phổ cập điện thoại di động

thông minh, cáp quang băng rộng toàn dân; phát triển hạ tầng mạng 5G, hạ tầng thông tin cơ sở; phát triển hệ sinh thái điện toán đám mây đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phân tích, xử lý dữ liệu lớn và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

c) Chủ trì, thúc đẩy phát triển và triển khai sử dụng các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Là đầu mối hướng dẫn, tổ chức việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

d) Hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử; cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

đ) Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số, dữ liệu số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

e) Theo dõi, hướng dẫn và đánh giá kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận/huyện trong việc thực hiện mô hình chuyển đổi số điển hình năm 2023; định kỳ tổng hợp tiến độ, kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện.

3. Công an thành phố

a) Tiếp tục phát huy vai trò Thành viên Ban chỉ đạo Chuyển đổi số - Thường trực Ban chỉ đạo Đề án 06/CP thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố để kiến nghị với Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến việc khai thác các nền tảng và dữ liệu số của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

c) Tiếp tục hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh việc cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Phân đầu hết năm 2023, tối thiểu 50% người dân trong độ tuổi được cấp Căn cước công dân điện tử trên địa bàn thành phố có tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

d) Phối hợp các cơ quan chức năng của Bộ Công an hoàn thiện ứng dụng VNEID; tuyên truyền, vận động người dân sử dụng ứng dụng VNEID và đa dạng hóa các tiện ích (sức khỏe điện tử, kiến nghị phản ánh, lưu trú, tạm trú, tích hợp giấy tờ như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe...) để người dân tham gia sử dụng.

4. Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp với các sở, ngành đề xuất các khuôn khổ, cơ chế, biện pháp hợp tác kinh tế số, thương mại số, đầu tư và hợp tác chuyên ngành với các tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm năng trên cơ sở phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam, thành phố đã tham gia hoặc ký kết.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong hoạt động xây dựng Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

c) Tổ chức nghiên cứu kinh nghiệm, thực tiễn quốc tế trong chuyển đổi số để tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Vận động, thu hút nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là nguồn lực từ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, chú trọng đội ngũ chuyên gia, tri thức để phối hợp, triển khai các chương trình phát triển công nghệ thông tin, công nghệ số.

5. Sở Tư pháp

Hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ các quận/huyện triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực hộ tịch; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp đối với lĩnh vực quản lý ngành tư pháp đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Công Thương

Tổ chức triển khai thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại, nghiên cứu đề xuất phương thức hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh; triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử theo hướng phát triển bền vững.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổ chức triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm và an sinh xã hội; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin để kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành khác phục vụ chuyển đổi số; thúc đẩy sử dụng nền tảng số hợp đồng lao động điện tử, ưu tiên triển khai tại các doanh nghiệp FDI có số lượng lao động lớn; nghiên cứu đề xuất giải pháp số lao động điện tử cho người lao động.

8. Sở Giao thông vận tải

Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, dữ liệu phương tiện giao thông thuộc phạm vi quản lý, dữ liệu người điều khiển phương tiện giao thông, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đặt nền móng cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

9. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, chỉ đạo triển khai phát triển dữ liệu lớn về không gian đô thị trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) tại thành phố; thu thập và phát triển dữ liệu lớn về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị (viễn thông, điện,

cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, chất thải rắn, môi trường, công viên, cây xanh và cơ sở hạ tầng đô thị khác).

b) Tổ chức nghiên cứu xây dựng nền tảng mô hình thông tin công trình (BIM) trong quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch và quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức triển khai và hướng dẫn các địa phương cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; chủ trì đánh giá, công bố phần mềm ứng dụng phục vụ hệ thống thông tin đất đai đa mục tiêu đáp ứng tiêu chí đánh giá; nghiên cứu tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Nền tảng Bản đồ số thành phố làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Triển khai xây dựng Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng, tạo lập và phát triển cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, gồm dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dữ liệu về nông sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các huyện tổ chức mô hình cấp xã, thôn theo các tiêu chí nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử để các đơn vị thực hiện.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở giáo dục đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, STEAM giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng. Triển khai học bạ điện tử; nền tảng giáo dục trực tuyến; triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số; sử dụng chữ ký số; thanh toán học phí không dùng tiền mặt; phát triển nền tảng kho học liệu số chia sẻ dùng chung trong ngành giáo dục.

13. Sở Y tế

Chỉ đạo các cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh triển khai phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử, hồ sơ bệnh án điện tử, tư vấn khám chữa bệnh từ xa, đơn thuốc điện tử, đặt lịch khám trực tuyến, thanh toán dịch vụ y tế không dùng tiền mặt. Quy hoạch, xây dựng kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe, dữ liệu chẩn đoán hình ảnh y khoa và thông tin kết quả xét nghiệm y khoa, dữ liệu đơn thuốc điện tử, dữ liệu thanh toán dịch vụ y tế, dữ liệu kết nối y tế vạn vật (IoMT) và các kho dữ liệu chuyên khoa, chuyên ngành y tế; triển khai hệ thống phần mềm Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân trên địa bàn thành phố.

14. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao tiềm lực nghiên cứu và phát triển của thành phố lĩnh vực dữ liệu lớn, phân tích, xử lý dữ liệu lớn; ưu tiên lựa chọn, bố trí kinh phí, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên các lĩnh vực.

15. Sở Văn hóa, Thể thao

Tổ chức triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai lộ trình số hóa các di sản văn hóa đã được các cấp có thẩm quyền công nhận trên địa bàn thành phố; xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong công tác bảo tàng.

16. Sở Du lịch

Tổ chức triển khai và hướng dẫn các cơ sở kinh doanh du lịch khai thác, sử dụng nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch cung cấp dịch vụ quản trị, thống kê, báo cáo theo thời gian thực về các sản phẩm và dịch vụ du lịch, du khách, các cơ sở lưu trú,

17. Sở Nội vụ

Chủ trì triển khai xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức thành phố để quản lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, kịp thời, tạo nguồn dữ liệu cho phát triển Chính quyền số.

18. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

a) Triển khai các giải pháp phần mềm nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành các cấp.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành địa phương xây dựng khung Bộ chỉ số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố; hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện.

19. Thanh tra thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị nghiên cứu, hướng dẫn, có kế hoạch sửa đổi, đề xuất sửa đổi và cập nhật các quy định pháp lý hiện hành để thúc đẩy hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra có thể được thực hiện trực tuyến trên môi trường điện tử, môi trường số.

b) Đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập, bảo đảm thuận lợi, công khai, minh bạch.

c) Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra trên địa bàn thành phố nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong thanh tra, kiểm tra phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước...

20. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương và khả năng cân đối ngân sách tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí đối với các nhiệm vụ chưa được bố trí kinh phí trong dự toán đầu năm 2023 đảm bảo thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

21. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Duy trì thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực đầu tư công, các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Chủ trì tổng hợp, hướng dẫn, tham mưu bố trí nguồn kinh phí đầu tư công ngân sách thành phố cho các Sở, ngành và hỗ trợ các địa phương triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2023 theo quy định pháp luật về đầu tư công.

c) Tăng cường công tác chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý về kế hoạch và đầu tư của thành phố, gồm có:

- Số hóa cơ sở dữ liệu kế hoạch và đầu tư; xử lý tài liệu số hóa đưa vào quản lý, khai thác sử dụng.

- Chính lý, số hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu về Kinh tế - Xã hội thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng.

22. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

a) Ưu tiên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế số trong các Khu công nghiệp (KCN), Khu Kinh tế (KKT); hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp - sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; thúc đẩy triển khai giao dịch trực tuyến đối với các doanh nghiệp trong các KCN, KKT.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện thu phí lệ phí không dùng tiền mặt tại Ban quản lý; Phấn đấu 100% các doanh nghiệp thanh toán các loại phí, lệ phí bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

23. Cục Thuế thành phố

Đẩy mạnh triển khai nền tảng hóa đơn điện tử kết nối, liên thông với các cơ quan thuế, cho phép mỗi cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.

24. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành phố

a) Tổ chức triển khai, chỉ đạo các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai chuyển đổi số, thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu đến hết năm 2023 cơ bản hoàn thành các mục tiêu tương ứng đặt ra đến năm 2025 trong Chương trình chuyển đổi số của thành phố.

b) Hàng tháng cung cấp báo cáo số lượng khách hàng mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố, lập danh sách thống kê theo từng quận, huyện.

25. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố

Hướng dẫn, tổ chức triển khai và các chiến dịch, bồi dưỡng, tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo xin ý kiến, chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT, VPCP;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐNDTP;
- VPTU, VPĐ ĐBQH&HĐNDTP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBNDTP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Các Phòng CV;
- Phòng HCTC, QTTV, NC&KTGS;
- TTTT-TH, TTHN-NKTP;
- CV: KSTTHC6;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường